

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN ÁN SỐ: 75/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Trần Thị Đào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Q đình hoãn phiên tòa số: 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14-11-2024 và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, sau đó anh chị thuê nhà sống riêng.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2024 thì anh T thay đổi tính tình, không đi làm, ham chơi, không chăm lo cho gia đình, đến tháng 10 năm 2024 anh chị sống ly thân đến nay mà không bàn việc đoàn tụ. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Trung C, sinh ngày 01-11-2011 và Nguyễn Thị Ngọc C1, sinh ngày 31-5-2018, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn T; về con chung: giao 02 cháu Nguyễn Trung C, sinh ngày 01-11-2011 và Nguyễn Thị Ngọc C1, sinh ngày 31-5-2018 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết; chị H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay

chị H có yêu cầu ly hôn với anh T, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H: Theo chị H khai, vào tháng 6 năm 2024 anh T thay đổi tính tình, không đi làm, ham chơi, không lo cho gia đình, chị bất mãn trước việc anh T thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay không bàn việc đoàn tụ, nay chị H kiên quyết ly hôn với anh T. Đối với anh T, trong quá trình bày quyết vụ án nhiều lần Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ nhưng anh T không đến, không gửi văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ với chị H nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi 02 cháu Nguyễn Trung C, sinh ngày 01-11-2011 và Nguyễn Thị Ngọc C1, sinh ngày 31-5-2018, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với cháu C tại biên bản hỏi ý kiến con chung chưa thành niên ngày 26-3-2025 cháu có nguyện vọng được sống với chị H, đối với cháu C1, từ khi chị H và anh T sống ly thân thì cháu C1 được chị H trực tiếp nuôi dưỡng ổn nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao chị H có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Nguyễn Trung C, sinh ngày 01-11-2011 và

Nguyễn Thị Ngọc C1, sinh ngày 31-5-2018, ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010490 ngày 10-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên